|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Chức năng huyết động của tim phụ thuộc vào các yếu tố sau **ngoại trừ** |
|  | Tiền tải |
|  | Hậu tải |
| \* | Sự nghẽn mạch |
|  | Sức co bóp của sợi cơ tim. |
| End |  |
| 002 | Bằng chứng của sự mệt mỏi của cơ tim trong suy tim **ngoại trừ** |
|  | Sự tiêu thu của cơ tim tăng lên mà công lại giảm. |
|  | Có sự giảm của các cơ |
| \* | Tăng Creatin. |
|  | Giảm phần hòa tan của axit photphorique |
| End |  |
| 003 | Sức co bóp của cơ tim phụ thuộc vào các yếu tố sau **ngoại trừ** |
|  | Sự co bóp của sợi cơ tim. |
| \* | Tình trạng huyết áp |
|  | Ảnh hưởng của thần kinh giao cảm. |
|  | Lượng Catecholamin trong máu. |
| End |  |
| 004 | Chức năng huyết động của tim còn phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây |
|  | Thở nhanh hay chậm. |
| \* | Tần số tim |
|  | Điện tim. |
|  | Tình trạng tinh thần. |
| End |  |
| 005 | Nguyên nhân suy tim ở trẻ nhỏ dưới đây là đúng **ngoại trừ** |
|  | Tim bẩm sinh. |
| \* | Thiếu Vitamin D |
|  | Sơ chun nội tâm mạc. |
|  | Ứ glycogin ở tim *(thể Pompe).* |
| End |  |
| 006 | Tìm một nguyên nhân gây suy tim ở trẻ em nhỏ |
|  | Suy dinh dưỡng độ II. |
|  | Còi xương bán cấp. |
| \* | Thiếu Vitamin B1. |
|  | Luput ban đỏ hệ thống. |
| End |  |
| 007 | Nguyên nhân nào gây suy tim ở trẻ lớn dưới đây là **không đúng** |
|  | Viêm màng ngoài tim do thấp. |
| \* | Phế quản phế viêm. |
|  | Viêm cơ tim do thấp. |
|  | Viêm màng ngoài tim mủ. |
| End |  |
| 008 | Các bệnh toàn thân dưới đây gây suy tim ở trẻ lớn **ngoại trừ** |
|  | Thiếu máu các loại. |
| \* | Luput ban đỏ hệ thống. |
|  | Basedow. |
|  | U tủy thượng thận. |
| End |  |
| 009 | Triệu chứng cơ năng nào sau đây **không phải** là triệu chứng cơ năng của suy tim |
|  | Khó thở. |
| \* | Đau tức ngực. |
|  | Phù. |
|  | Đái ít. |
| End |  |
| 010 | Triệu chứng nào sau đây **không phải** là triệu chứng thực thể của suy tim |
|  | Nhịp tim nhanh. |
|  | Thay đổi tiếng tim. |
| \* | Phù. |
|  | Tiếng thổi ở tim. |
| End |  |
| 011 | Tim to vừa thì tỷ lệ tim ngực trong khoảng nào sau đây là đúng nhất |
|  | 50 – 55%. |
| \* | 55 – 60 % |
|  | 60 – 62%. |
|  | 62 – 65%. |
| End |  |
| 012 | Tim hơi to thì tỷ lệ tim ngực trong khoảng nào sau đây là đúng nhất |
|  | 40 – 45%. |
|  | 45 – 50%. |
| \* | 50 – 55%. |
|  | 55 – 60% |
| End |  |
| 013 | Đề phòng suy tim các biện pháp nên chọn **ngoại trừ** |
|  | Điều trị nhanh bệnh Béri Béri. |
| \* | Cho thuốc lợi niệu liều thấp mỗi ngày. |
|  | Điều trị tốt bệnh cường giáp. |
|  | Kiểm soát tốt bệnh cao huyết áp |
| End |  |
| 014 | Các nguyên nhân thuận lợi gây suy tim **ngoại trừ** |
|  | Nhiễm khuẩn. |
|  | Nhồi máu phổi. |
| \* | Scholein Henoch |
|  | Các rối loạn nhịp. |
| End |  |
| 015 | Nguyên nhân gây suy tim trái **ngoại trừ** |
|  | Tăng huyết áp. |
|  | Hẹp eo động mạch chủ. |
| \* | Hẹp động mạch phổi. |
|  | Hẹp hở hai lá. |
| End |  |
| 016 | Nguyên nhân gây suy tim phải **ngoại trừ** |
|  | Tâm phế mạn tính. |
| \* | Sa van hai lá. |
|  | Hở van ba lá. |
|  | U trong các buồng tim phải. |
| End |  |
| 017 | Triệu chứng suy tim phải đơn thuần gồm các triệu chứng sau **ngoại trừ** |
|  | Gan to. |
|  | Tĩnh mạch cổ nổi. |
| \* | Phù phổi cấp. |
|  | Môi và niêm mạc tím. |
| End |  |
| 018 | Tìm ý **không phù hợp** với triệu chứng lâm sàng của ngộ độc Digitalis |
|  | Mệt mỏi, nhức đầu. |
| \* | Nhoà mờ, sợ ánh sáng, nhìn đôi. |
|  | Buồn nôn hoặc nôn. |
|  | Nhịp tim chậm hoặc nhanh không đều. |
| End |  |
| 019 | Nguyên tắc điều trị hội chứng suy tim là **ngoại trừ** |
|  | Nghỉ ngơi. |
|  | Ăn nhạt. |
| \* | Lợi niệu liều thấp. |
|  | Dùng thuốc trợ tim. |
| End |  |
| 020 | Liều trung bình Digoxin |
|  | 0,02 mg/kg/24giờ. |
| \* | 0.01 mg/kg/24giờ. |
|  | 0,03 mg/kg/24giờ. |
|  | 0,04 mg/kg/24giờ. |
| End |  |
| 021 | Triệu chứng có giá trị nhất để hướng tới chẩn đoán tràn dịch màng ngoài tim là: |
|  | Ho |
|  | Khó thở |
|  | Đau ngực |
| \* | Có tiếng cọ màng ngoài tim |
| End |  |
| 022 | Tìm ý **không phù hợp** với triệu chứng X.Quang của tràn dịch màng ngoài tim cấp: |
|  | Tim to toàn bộ, hình giọt nước |
|  | Góc tâm hoành tù |
|  | Các cung tim mất |
| \* | Tim co bóp mạnh |
| End |  |
| 023 | Tìm ý **không phù hợp** với biến chứng chèn ép tim cấp trong tràn dịch màng ngoài tim |
|  | Xảy ra tràn dịch cấp. |
|  | Dịch màng tim tiết ra nhanh, nhiều. |
| \* | Áp lực tĩnh mạch trung ương giảm |
|  | Áp lực trong khoang màng tim cao. |
| End |  |
| 024 | **Tìm ý sai** trong các biện pháp điều trị viêm mủ màng ngoài tim cấp: |
|  | Ăn nhạt. |
|  | Cho thuốc lợi tiểu. |
| \* | Trợ tim bằng Digoxin |
|  | Cho kháng sinh liều cao, phối hợp |
| End |  |
| 025 | Một biện pháp quan trọng nhất trong điều trị biến chứng chèn ép tim cấp trong tràn mủ màng ngoài tim: |
|  | Lợi tiểu nhanh |
|  | Hạn chế dịch truyền. |
| \* | Dẫn lưu mủ sớm |
|  | Cho thuốc an thần để giảm kích thích. |
| End |  |
| 026 | Một loại vi khuẩn hay gặp nhất gây viêm mủ màng ngoài tim là: |
|  | Liên cầu. |
| \* | Tụ cầu |
|  | Phế cầu |
|  | E. coli |
| End |  |
| 027 | Triệu chứng thực thể của viêm màng ngoài tim cấp, **tìm ý sai** |
|  | Có tiếng cọ màng tim |
| \* | Mỏm tim đập mạnh |
|  | Diện đục tương đối của tim to. |
|  | Triệu chứng ứ đọng máu tĩnh mạch: Tím, gan to, tĩnh mạch cổ nổi |
| End |  |
| 028 | Triệu chứng X.Quang của tràn dịch màng ngoài tim cấp, **tìm ý sai** |
|  | Bóng tim to, hình nậm rượu |
|  | Tim đập yếu |
|  | Hình ảnh 2 bờ |
| \* | Góc tâm hoành nhọn |
| End |  |
| 029 | Triệu chứng lâm sàng của hội chứng Pick, **tìm ý sai** |
|  | Khó thở |
|  | Phù các chi |
| \* | Áp lực tĩnh mạch trung ương giảm. |
|  | Có tuần hoàn bàng hệ |
| End |  |